



**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

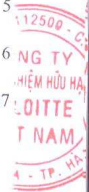


**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

---

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 27



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Trần Văn Dư	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

##### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Phạm Kim Lâm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Văn Thư**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 261 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 03 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

*Nguyễn Tuấn Anh*

Nguyễn Tuấn Anh  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1291-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013		31/12/2012	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>7.089.433.856.432</b>		<b>6.614.390.635.573</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.295.277.775.840</b>		<b>993.911.295.000</b>	
1. Tiền	111		11.874.348.597		9.511.295.000	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.283.403.427.243		984.400.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.553.451.965.073</b>		<b>3.465.051.965.073</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.553.451.965.073		3.465.051.965.073	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.438.151.836.665</b>		<b>1.353.861.644.517</b>	
1. Phải thu khách hàng	131	7	2.261.125.876.487		1.234.884.193.926	
2. Trả trước cho người bán	132		82.734.723.549		61.630.618.141	
3. Các khoản phải thu khác	135	8	95.801.888.889		58.857.484.710	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.510.652.260)		(1.510.652.260)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>801.959.043.610</b>		<b>784.260.814.928</b>	
1. Hàng tồn kho	141		970.091.336.302		944.393.107.620	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(168.132.292.692)		(160.132.292.692)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>593.235.244</b>		<b>17.304.916.055</b>	
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		115.762.155		16.955.769.716	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		477.473.089		349.146.339	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>4.913.427.292.866</b>		<b>5.453.288.373.228</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.086.375.691.207</b>		<b>2.541.593.711.216</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.775.198.041.632		2.087.220.272.829	
- Nguyên giá	222		13.305.857.145.438		13.279.380.058.041	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.530.659.103.806)		(11.192.159.785.212)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	18.227.695.589		21.209.719.306	
- Nguyên giá	228		57.738.108.512		57.762.549.452	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.510.412.923)		(36.552.830.146)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	292.949.953.986		433.163.719.081	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.736.474.100.050</b>		<b>2.731.516.100.050</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	27.476.250.000		27.476.250.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.193.455.770.150		1.193.455.770.150	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	1.552.995.079.900		1.552.995.079.900	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(37.453.000.000)		(42.411.000.000)	
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>90.577.501.609</b>		<b>180.178.561.962</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.039.019.751		5.101.598.246	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	87.538.481.858		175.076.963.716	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>12.002.861.149.298</b>		<b>12.067.679.008.801</b>	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6.863.491.553.011</b>	<b>7.903.623.489.171</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.140.055.642.064</b>	<b>1.418.737.571.635</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	394.761.977.426	447.233.514.089
2. Phải trả người bán	312		151.078.496.605	268.805.352.276
3. Người mua trả tiền trước	313		69.833.613	21.483.299
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	60.468.468.531	145.706.997.205
5. Phải trả người lao động	315		24.069.376.570	59.619.794.013
6. Chi phí phải trả	316	19	498.248.850.105	492.757.976.494
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.634.130.492	3.104.890.400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.724.508.722	1.487.563.859
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.723.435.910.947</b>	<b>6.484.885.917.536</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	5.526.667.648.453	6.484.885.917.536
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	196.768.262.494	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>5.139.369.596.287</b>	<b>4.164.055.519.630</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.139.369.596.287</b>	<b>4.164.055.519.630</b>
1. Vốn điều lệ	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	155.099.300.459	155.099.300.459
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	21	-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	273.367.426.362	263.367.426.362
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	112.500.000.000	82.500.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	1.461.655.598.315	526.341.521.658
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>12.002.861.149.298</b>	<b>12.067.679.008.801</b>

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

  
Nguyễn Quang Huy  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

  
Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng

  
Phạm Văn Thư  
Tổng Giám đốc




Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.623.558.897.385	2.182.495.428.681
2 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		3.623.558.897.385	2.182.495.428.681
3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.890.723.327.414	1.789.203.791.542
4 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		732.835.569.971	393.291.637.139
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.068.977.000.722	294.729.071.380
6 Chi phí tài chính	22	27	77.746.111.197	452.216.317.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.599.625.731	105.235.924.492
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.530.684.711	41.135.806.341
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.688.535.774.785	194.668.584.316
9 Thu nhập khác	31		2.791.725.358	5.496.960.623
10 Chi phí khác	32		2.754.209.296	3.622.965.218
11 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		37.516.062	1.873.995.405
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.688.573.290.847	196.542.579.721
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	94.297.855.838	-
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	284.306.744.352	-
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.309.968.690.657	196.542.579.721

  
Nguyễn Quang Huy  
Người lập biểu

  
Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng

  
Phạm Văn Thư  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>1.688.573.290.847</i>	<i>196.542.579.721</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	348.074.369.320	346.449.118.401
- Các khoản dự phòng	03	3.042.000.000	4.928.000.000
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(787.073.049.977)	397.092.531.278
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(261.052.735.008)	(294.759.846.502)
- Chi phí lãi vay	06	82.599.625.731	105.235.924.492
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>1.074.163.500.913</i>	<i>755.488.307.390</i>
- Biến động các khoản phải thu	09	(1.173.740.421.052)	(814.251.101.961)
- Biến động hàng tồn kho	10	(25.698.228.682)	3.161.707.206
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	445.142.141.987	(8.433.147.079)
- Biến động chi phí trả trước	12	4.043.638.676	3.936.770.516
- Tiền lãi vay đã trả	13	(79.870.443.075)	(106.607.845.627)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(197.222.737.027)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.263.055.137)	(6.404.192.286)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>37.554.396.603</i>	<i>(173.109.501.841)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(276.679.399.873)	(58.299.602.328)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(610.000.000.000)	(1.167.184.444.444)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.521.600.000.000	1.028.084.444.444
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(40.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	170.446.382.229	58.162.906.349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>805.366.982.356</i>	<i>(179.236.695.979)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(223.616.755.769)	(285.891.889.090)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(317.938.142.350)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(541.554.898.119)</i>	<i>(285.891.889.090)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>301.366.480.840</b>	<b>(638.238.086.910)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>993.911.295.000</b>	<b>1.178.261.959.849</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.295.277.775.840</b>	<b>540.023.872.939</b>



Nguyễn Quang Huy  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.382 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.395).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn và đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình theo hướng dẫn tại Công văn số 2190 ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

	2012	Từ ngày 10/06/2013
	Số năm	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50	10 - 25
Máy móc và thiết bị	08 - 12	10
Phương tiện vận tải	10 - 15	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25	03 - 10

Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng ước tính được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm thứ ba Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	29.356.172	41.302.184
Tiền gửi ngân hàng	11.844.992.425	9.469.992.816
Các khoản tương đương tiền (i)	1.283.403.427.243	984.400.000.000
	<u>1.295.277.775.840</u>	<u>993.911.295.000</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	535.000.000.000	1.445.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.018.451.965.073	2.020.051.965.073
	<u>2.553.451.965.073</u>	<u>3.465.051.965.073</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
	<u>2.553.451.965.073</u>	<u>3.465.051.965.073</u>

- (i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC), và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
 Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu tiền điện	2.031.459.605.644	1.091.595.212.489
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	224.154.262.854	133.547.910.075
Phải thu khách hàng khác	5.512.007.989	9.741.071.362
	<b>2.261.125.876.487</b>	<b>1.234.884.193.926</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.510.652.260)	(1.510.652.260)
	<b>2.259.615.224.227</b>	<b>1.233.373.541.666</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	58.640.804.046	58.640.804.046
Cổ tức phải thu	36.793.645.500	-
Các khoản phải thu khác	367.439.343	216.680.664
	<b>95.801.888.889</b>	<b>58.857.484.710</b>

(i) Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến điều chỉnh quyết toán dây chuyền số 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	963.732.481.409	938.273.513.667
Công cụ, dụng cụ	5.893.847.256	6.093.103.071
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.654.882	26.490.882
Thành phẩm	423.352.755	-
	<b>970.091.336.302</b>	<b>944.393.107.620</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(168.132.292.692)	(160.132.292.692)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>801.959.043.610</b>	<b>784.260.814.928</b>

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 8.000.000.000 VND (năm 2012: 16.543.530.774 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
 Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị: VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	1.703.216.805.316	11.450.540.930.730	77.945.734.650	44.624.003.917	3.052.583.428	13.279.380.058.041
Tăng trong kỳ	-	34.245.946.805	-	730.234.579	143.300.000	35.119.481.384
Mua sắm mới	-	34.168.791.384	-	807.390.000	143.300.000	35.119.481.384
Phân loại lại	-	77.155.421	-	(77.155.421)	-	-
Giảm trong kỳ	-	(1.426.763.131)	(285.357.577)	(6.403.652.591)	(526.620.688)	(8.642.393.987)
Phân loại lại theo Thông tư 45	-	(1.426.763.131)	(285.357.577)	(6.403.652.591)	(526.620.688)	(8.642.393.987)
Tại ngày 30/06/2013	1.703.216.805.316	11.483.360.114.404	77.660.377.073	38.950.585.905	2.669.262.740	13.305.857.145.438
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	1.252.375.018.467	9.844.537.759.738	54.895.268.454	38.464.272.660	1.887.465.893	11.192.159.785.212
Tăng trong kỳ	21.031.935.232	320.812.997.552	1.901.009.063	1.237.625.434	177.085.119	345.160.652.400
Trích khấu hao	20.967.793.857	320.812.335.052	1.901.009.063	1.237.625.434	173.582.197	345.092.345.603
Tăng khác	64.141.375	662.500	-	-	3.502.922	68.306.797
Giảm trong kỳ	-	(1.083.616.726)	(395.946.785)	(4.773.151.664)	(408.618.631)	(6.661.333.806)
Phân loại lại theo Thông tư 45	-	(1.083.616.726)	(270.990.782)	(4.773.151.664)	(408.618.631)	(6.536.377.803)
Giảm khác	-	-	(124.956.003)	-	-	(124.956.003)
Tại ngày 30/06/2013	1.273.406.953.699	10.164.267.140.564	56.400.330.732	34.928.746.430	1.655.932.381	11.530.659.103.806
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/06/2013	429.809.851.617	1.319.092.973.840	21.260.046.341	4.021.839.475	1.013.330.359	1.775.198.041.632
Tại ngày 31/12/2012	450.841.786.849	1.606.003.170.992	23.050.466.196	6.159.731.257	1.165.117.535	2.087.220.272.829

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 4. Theo đó, việc áp dụng thời gian hữu dụng ước tính mới này làm chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 cao hơn so với áp dụng thời gian hữu dụng ước tính cũ khoảng 1,5 tỷ VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
 Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	57.414.901.632	347.647.820	57.762.549.452
Giảm khác	-	(24.440.940)	(24.440.940)
Tại ngày 30/06/2013	57.414.901.632	323.206.880	57.738.108.512
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	36.247.951.259	304.878.887	36.552.830.146
Khấu hao trong kỳ	2.939.254.784	42.768.933	2.982.023.717
Giảm khác	-	(24.440.940)	(24.440.940)
Tại ngày 30/06/2013	39.187.206.043	323.206.880	39.510.412.923
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/06/2013	18.227.695.589	-	18.227.695.589
Tại ngày 31/12/2012	21.166.950.373	42.768.933	21.209.719.306

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	292.454.779.298	432.547.662.803
Xây dựng cơ bản khác	495.174.688	616.056.278
	<u>292.949.953.986</u>	<u>433.163.719.081</u>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng khoản đầu tư vào công ty liên kết và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii)	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
<b>Số dư đầu tư tài chính dài hạn khác</b>	<b>1.552.995.079.900</b>	<b>1.552.995.079.900</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(37.453.000.000)	(42.411.000.000)
	<b>1.515.542.079.900</b>	<b>1.510.584.079.900</b>

- (i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- (ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.
- (iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.
- (iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** khoản đầu tư 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoàn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả	
			hoạt động kinh doanh	
	30/06/2013	31/12/2012	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoàn lại				
Chênh lệch tỷ giá (i)	87.538.481.858	175.076.963.716	(87.538.481.858)	(116.717.975.810)
<b>Thuế thu nhập hoàn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tỷ giá (ii)	196.768.262.494	-	(196.768.262.494)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh trong kỳ</b>			<b>(284.306.744.352)</b>	<b>(116.717.975.810)</b>

- (i) Phân bổ tài sản thuế thu nhập hoàn lại liên quan đến lỗ chênh lệch tỷ giá Công ty ghi nhận trước đây. Công ty quyết định phân bổ toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoàn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào năm tài chính 2013. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty phân bổ 50% số dư tài sản thuế thu nhập hoàn lại.
- (ii) Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ là đồng Yên Nhật (JPY) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là thu nhập tạm thời không chịu thuế. Công ty ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại phải trả và sẽ quyết toán, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay dài hạn này tại thời điểm cuối năm tài chính.

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	394.761.977.426	447.233.514.089
	<b>394.761.977.426</b>	<b>447.233.514.089</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	17.778.571.545	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.658.363.305	144.583.244.494
Thuế thu nhập cá nhân	220.720.800	221.983.600
Các loại thuế khác	810.812.881	901.769.111
	<b>60.468.468.531</b>	<b>145.706.997.205</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả	50.300.217.344	53.029.400.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	441.180.810.429	432.547.662.803
Các khoản khác	6.767.822.332	7.180.913.691
	<b>498.248.850.105</b>	<b>492.757.976.494</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
 Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2013		31/12/2012	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	27.851.134.111	5.921.429.625.879	28.779.505.248	6.932.119.431.625
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(394.761.977.426)	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>25.994.391.837</b>	<b>5.526.667.648.453</b>	<b>26.922.762.974</b>	<b>6.484.885.917.536</b>

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2013		31/12/2012	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	394.761.977.426	1.856.742.274	447.233.514.089
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	394.761.977.426	1.856.742.274	447.233.514.089
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.184.285.932.278	5.570.226.822	1.341.700.542.268
Sau năm năm	18.567.422.741	3.947.619.738.749	19.495.793.878	4.695.951.861.179
<b>27.851.134.111</b>	<b>5.921.429.625.879</b>	<b>28.779.505.248</b>	<b>6.932.119.431.625</b>	
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(394.761.977.426)	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>25.994.391.837</b>	<b>5.526.667.648.453</b>	<b>26.922.762.974</b>	<b>6.484.885.917.536</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	25.489.048.064
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	514.852.473.594
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	717.705.848.290	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	5.353.290.419	-	-	(5.353.290.419)	-	(14.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>155.099.300.459</b>	<b>(125.602.728.849)</b>	<b>-</b>	<b>263.367.426.362</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>526.341.521.658</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.309.968.690.657
Chia lợi nhuận cho các cổ đông (i)	-	-	-	-	-	-	(318.154.614.000)
Trích các quỹ trong kỳ (i)	-	-	-	-	10.000.000.000	30.000.000.000	(56.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2013</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>155.099.300.459</b>	<b>(125.602.728.849)</b>	<b>-</b>	<b>273.367.426.362</b>	<b>112.500.000.000</b>	<b>1.461.655.598.315</b>

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông với giá trị 1.000 VND/cổ phiếu, tương đương 318.154.614.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 30.000.000.000 VND (năm 2012 đã tạm trích 14.000.000.000 VND, số còn lại 16.000.000.000 VND trích trong năm 2013)
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 30.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.000.000.000 VND
- Trích quỹ thưởng ban điều hành: 500.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
 Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính riêng.

**23. DOANH THU**

	<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013</b>	<b>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>3.616.971.217.297</b>	<b>2.175.581.382.465</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	3.615.609.251.600	2.174.535.699.694
Điện tự dùng	1.361.965.697	1.045.682.771
<b>Hoạt động khác</b>	<b>6.587.680.088</b>	<b>6.914.046.216</b>
Doanh thu hoạt động khác	6.587.680.088	6.914.046.216
	<b>3.623.558.897.385</b>	<b>2.182.495.428.681</b>

(\*) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa ký được phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá bán điện với Công ty Mua bán Điện cho năm 2013, giá bán điện áp dụng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là giá bán tính toán theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐTV ngày 05 tháng 2 năm 2013 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thông qua phương án giá điện các Nhà máy điện của các Công ty phát điện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>2.889.289.597.186</b>	<b>1.787.465.840.004</b>
Chi phí than, dầu	2.134.951.051.508	1.146.980.611.838
Chi phí khấu hao	341.090.397.584	338.873.646.600
Chi phí sửa chữa lớn	250.003.827.246	150.000.000.000
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	92.616.905.028	92.355.198.261
Chi phí phụ liệu	3.274.690.637	7.164.299.710
Chi phí khác	67.352.725.183	52.092.083.595
<b>Hoạt động khác</b>	<b>1.433.730.228</b>	<b>1.737.951.538</b>
	<b>2.890.723.327.414</b>	<b>1.789.203.791.542</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.140.807.643.176	1.159.593.899.548
Chi phí nhân công	109.324.571.203	109.396.949.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.074.369.320	346.449.118.401
Chi phí sửa chữa lớn	250.003.827.246	150.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.535.011.282	3.312.600.625
Chi phí khác	74.508.589.898	61.587.030.168
	<b>2.926.254.012.125</b>	<b>1.830.339.597.883</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	195.897.367.285	229.656.347.459
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	28.361.722.223	65.103.499.043
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	20.851.215.737	(30.775.122)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	787.073.049.977	-
Cổ tức được nhận	36.793.645.500	-
	<b>1.068.977.000.722</b>	<b>294.729.071.380</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	82.599.625.731	105.235.924.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	-	347.923.909.903
Chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(4.958.000.000)	(1.072.000.000)
Chi phí tài chính khác	104.485.466	128.483.467
	<b>77.746.111.197</b>	<b>452.216.317.862</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.688.573.290.847	196.542.579.721
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	823.866.695.477	197.508.601.375
Chi phí chênh lệch tỷ giá đã tính thuế các năm trước	-	194.445.016.678
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá khoản vay tạm thời không chịu thuế (i)	787.073.049.977	-
Cổ tức được chia	36.793.645.500	2.750.000.000
Khác	-	313.584.697
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	889.574.775	966.021.654
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>865.596.170.145</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Thu nhập từ hoạt động chính</b>	<b>697.721.066.856</b>	<b>(189.910.307.863)</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>167.875.103.289</b>	<b>189.910.307.863</b>
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	94.297.855.838	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	284.306.744.352	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>378.604.600.190</b>	<b>-</b>

- (i) Công ty xác định số lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ là đồng Yên Nhật Bản (JPY) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền khoảng 787 tỷ đồng là thu nhập tạm thời không chịu thuế và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả. Công ty sẽ quyết toán và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay này tại thời điểm cuối năm tài chính.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	5.921.429.625.879	6.932.119.431.625
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.295.277.775.840	993.911.295.000
Nợ thuần	4.626.151.850.039	5.938.208.136.625
Vốn chủ sở hữu	5.139.369.596.287	4.164.055.519.630
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,90</b>	<b>1,43</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.295.277.775.840	993.911.295.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.355.417.113.116	1.292.231.026.376
Đầu tư ngắn hạn	2.553.451.965.073	3.465.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.515.542.079.900	1.510.584.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.719.688.933.929</b>	<b>7.261.778.366.349</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.921.429.625.879	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	153.712.627.097	271.910.242.676
Chi phí phải trả	205.298.896.119	59.594.257.413
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.280.441.149.095</b>	<b>7.263.623.931.714</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật Bản (JPY)	5.921.429.625.879	6.932.119.431.625	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán sẽ giảm/tăng một khoản là 592.142.962.588 VND (năm 2012: 693.211.942.884 VND).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.295.277.775.840	-	-	1.295.277.775.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.355.417.113.116	-	-	2.355.417.113.116
Đầu tư ngắn hạn	2.553.451.965.073	-	-	2.553.451.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.469.044.079.900	1.515.542.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.204.146.854.029</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.469.044.079.900</b>	<b>7.719.688.933.929</b>
<b>30/06/2013</b>				
Các khoản vay	394.761.977.426	1.579.047.909.704	3.947.619.738.749	5.921.429.625.879
Phải trả người bán và phải trả khác	153.712.627.097	-	-	153.712.627.097
Chi phí phải trả	205.298.896.119	-	-	205.298.896.119
<b>Tổng cộng</b>	<b>753.773.500.642</b>	<b>1.579.047.909.704</b>	<b>3.947.619.738.749</b>	<b>6.280.441.149.095</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.450.373.353.387</b>	<b>(1.532.549.909.704)</b>	<b>(2.478.575.658.849)</b>	<b>1.439.247.784.834</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.911.295.000	-	-	993.911.295.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.292.231.026.376	-	-	1.292.231.026.376
Đầu tư ngắn hạn	3.465.051.965.073	-	-	3.465.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.464.086.079.900	1.510.584.079.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.751.194.286.449</b>	<b>46.498.000.000</b>	<b>1.464.086.079.900</b>	<b>7.261.778.366.349</b>
<b>31/12/2012</b>				
Các khoản vay	447.233.514.089	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	271.910.242.676	-	-	271.910.242.676
Chi phí phải trả	59.594.257.413	-	-	59.594.257.413
<b>Tổng cộng</b>	<b>778.738.014.178</b>	<b>1.788.934.056.357</b>	<b>4.695.951.861.179</b>	<b>7.263.623.931.714</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.972.456.272.271</b>	<b>(1.742.436.056.357)</b>	<b>(3.231.865.781.279)</b>	<b>(1.845.565.365)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	3.615.609.251.600	2.174.535.699.694
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	223.616.755.769	285.891.889.090
Bù trừ gốc vay và khoản phải thu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	223.616.755.769	285.891.889.090
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	82.599.625.731	105.235.924.492
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	59.136.312.816	30.290.745.431
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	142.286.111.111	179.219.444.444
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	-	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	36.793.645.500	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	1.060.825.644	427.127.200
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.921.429.625.879	6.932.119.431.625
Phải thu Công ty Mua bán điện	2.031.459.605.644	1.091.595.212.489
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.640.804.046	58.640.804.046
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	15.970.048.996	83.207.218.894
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	27.476.250.000	27.476.250.000
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 12 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 68/NQ-PPC-HĐQT về việc đồng ý mua lại 5 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng do Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na đầu tư. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty quyết định đồng ý với giá đã thỏa thuận với Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 6 năm 2013.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh  
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU CẦN LƯU Ý**


Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa ký kết được phụ lục hợp đồng mua bán điện liên quan đến giá điện với Công ty Mua bán điện cho năm 2013. Do đó, doanh thu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty có thể bị thay đổi trong trường hợp giá bán điện sau khi ký phụ lục hợp đồng có thay đổi so với giá điện đang áp dụng.

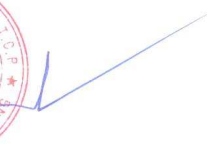
**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

  
Nguyễn Quang Huy  
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

  
Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng

  
Phạm Văn Thư  
Tổng Giám đốc

